

Số: /2021/TT-BKHCN Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO 0
T.7/2021

THÔNG TƯ

Quy định định mức kinh tế-kỹ thuật cho nhóm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 sửa đổi một số điều của Nghị định 127/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 sửa đổi một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Quyết định 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật cho nhóm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế- kỹ thuật cho dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế; phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài; hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia

Điều 3. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế; phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài; hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia.

b) Cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương quản lý các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật ; tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế; phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài; hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được ban hành ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ KH&CN;
- Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN, Công TTĐT Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TĐC.

BỘ TRƯỞNG

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia

(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BKHCHN ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ- KỸ THUẬT CHO DỊCH VỤ
XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**PHẦN I
THUYẾT MINH**

I. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức lao động xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh) và phương pháp phân tích (phương pháp phân tích tính toán và phương pháp phân tích khảo sát).

2. Định mức sử dụng thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu được xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh).

3. Hệ số phức tạp trong hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), theo quy trình tại Thông tư 21/2007/TT-BKHCHN ngày 28/9/2007 và Thông tư 29/2011/TT-BKHCHN ngày 15/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ, tùy thuộc vào đối tượng xây dựng TCVN là hoàn toàn xây dựng mới hoặc chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế (TCQT) và tùy theo số lượng, khối lượng trang của TCVN để xác định hệ số phức tạp.

II. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần sau:

a) Định mức lao động trực tiếp là thời gian lao động cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

b) Định mức lao động gián tiếp là thời gian lao động cho công tác quản lý, phục vụ cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

Định mức lao động thể hiện các nội dung sau:

- Nội dung các bước công việc cho quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đáp ứng các yêu cầu quy định trong Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư 29/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 sửa đổi một số điều của Thông tư 21/2007/TT-BKHCN, Quyết định số 22/QĐ-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định của pháp luật.

- Định biên người thực hiện xây dựng TCVN có từ 9-20 thành viên chính thực hiện và 4-6 thành viên phối hợp.

- Định mức một ngày công làm việc được tính là 8 giờ cho thời gian lao động trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia. Đơn vị tính là cá nhân chuyên gia là kỹ sư, thạc sỹ, tiến sỹ hoặc nhóm là tập hợp các nhóm là tổ soạn thảo, Ban kỹ thuật, hội đồng/bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

c) Định mức thiết bị

- Định mức thiết bị là thời gian người lao động sử dụng thiết bị, máy móc cần thiết để thực hiện một bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia. Đơn vị tính là bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

- Thời gian sử dụng thiết bị là thời gian sử dụng thiết bị vào hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia. Đơn vị tính là giờ.

- Thời hạn tính khấu hao thiết bị áp dụng theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính.

d) Định mức vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ

- Định mức sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ được tính bằng số lượng tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ trực tiếp cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia. Đơn vị tính là mức tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ/bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

- Mức cho các vật tư tiêu hao ít, phụ được tính bằng 5% mức vật tư trong bảng định mức vật tư, nguyên vật liệu.

PHẦN II

QUI TRÌNH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN)		Kết quả
Bước 1	Đề nghị xây dựng TCVN	Dự án xây dựng TCVN (Dự thảo tiêu chuẩn đề nghị (nếu có) Xác định rõ nhu cầu khảo sát, khảo nghiệm (nếu có)
Bước 2	Xét duyệt dự án TCVN và đưa vào kế hoạch xây dựng TCVN	Bản kế hoạch xây dựng TCVN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Bước 3	Biên soạn dự thảo của Ban kỹ thuật/ban soạn thảo	Dự thảo ban kỹ thuật/ban soạn thảo
Bước 4	Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo TCVN	Dự thảo TCVN
Bước 5	Thẩm tra hồ sơ TCVN	Hồ sơ dự thảo TCVN thẩm định
Bước 6	Thẩm định hồ sơ TCVN	Hồ sơ dự thảo TCVN trình duyệt
Bước 7	Công bố TCVN	Quyết định công bố TCVN

PHẦN III

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CHO DỊCH VỤ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

I. Định mức công lao động

1. Định mức công lao động trực tiếp

a) Định mức công lao động cho việc xây dựng dự án TCVN để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, định mức công tối thiểu là 10 công cho dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Định mức công lao động xây dựng dự thảo TCVN tối thiểu là 30 công cho dự thảo TCVN chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế và tối thiểu 50 công cho dự thảo đối với TCVN xây dựng mới, cần phải khảo sát, thử nghiệm (chưa bao gồm công cho chi phí khảo sát, thử nghiệm theo định mức riêng). Đối với trường hợp xây dựng TCVN có tính chất phức tạp cần xem xét trên cơ sở hệ số phức tạp (K_{HSPT}).

c) Định mức công lao động xây dựng thuyết minh dự thảo TCVN, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo TCVN tối thiểu là 5 công cho thuyết minh TCVN và tổng hợp, xử lý ý kiến góp ý cho dự thảo TCVN.

d) Định mức lao động cho công tác nghiên cứu tiền khả thi, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng TCVN không quá 50% tổng kinh phí xây dựng TCVN.

2. Định mức công lao động gián tiếp được tính bằng 40% công lao động trực tiếp.

3. Định mức chi trả trực tiếp bằng tiền cho công việc: dịch, hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; khảo sát, điều tra, mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, công tác phí, lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn, của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCVN và các cuộc họp Ban kỹ thuật, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn, hội thảo khoa học, hội đồng thẩm tra đối với dự thảo TCVN áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính.

4. Hệ số phức tạp (K_{HSPT}), của xây dựng TCVN theo bảng sau:

TT	Công việc	Hệ số phức tạp (K_{HSPT})
1.	TCVN xây dựng mới	2,0
2.	TCVN xây dựng Chấp nhận TCQT	1,0 – 2,0
a)	TCVN chấp nhận TCQT (dưới 10 trang)	1,2
b)	TCVN chấp nhận TCQT (10 trang – 30 trang)	1,4
c)	TCVN chấp nhận TCQT (31 trang – 50 trang)	1,6
d)	TCVN chấp nhận TCQT (51 trang -100 trang)	1,8
e)	TCVN chấp nhận TCQT (100 trang trở lên)	2,0
3.	TCVN xây dựng, soát xét bổ sung, sửa đổi	1,0

II. Định mức sử dụng thiết bị

- Định mức khấu hao thiết bị phục vụ cho việc xây dựng TCVN theo quy định trong Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. Trường hợp đã có định mức kinh tế kỹ thuật của các Bộ, ngành cho các hạng mục này thì ưu tiên áp dụng định mức của các Bộ, ngành có chức năng.

- Hệ số định mức sử dụng thiết bị theo bảng sau:

TT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Điều hòa nhiệt độ	cái	3.000 W	0,333
2.	Máy vi tính	cái	250 W	0,250
3.	Máy chiếu	cái	365 W	0,166
4.	Máy in	cái	360 W	0,166
5.	Máy quét	cái	360 W	0,083
6.	Máy Photo copy	cái	1.200 W	0,083
7.	Âm thanh	cái	1 Âm li và 02 loa 40 W	0,166
8.	Máy hút bụi	cái	1.500 W	0,083

III. Định mức vật tư, công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Hệ số định mức sử dụng dụng cụ theo bảng sau:

TT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Đèn chiếu sáng	cái	36 W	0,333
2.	Bình đun nước	cái	200 W	0,003
3.	Đồng hồ treo tường	cái	Đồng hồ điện tử	1,000
4.	Điện thoại cố định	cái	1 điện thoại	1,000
5.	Bàn máy vi tính	cái	1,4 m x 0,9 m	1,000
6.	Tủ đựng hồ sơ, tài liệu	cái	1,2 m x 0,4 m	1,000
7.	Bàn, ghế làm việc	cái	1,2 m x 0,8 m	1,000
8.	Phần mềm bản quyền	Phần mềm	Microsoft Office	1,000

- Định mức vật tư, nguyên vật liệu theo bảng sau:

TT	Vật tư, nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Thông số	Mức
1.	Điện năng	kW	7,26 kW	1,666
2.	Nước	m ³	Nước sinh hoạt	0,153
3.	Mực in	hộp	Lazer 1.500 tờ A4	1,000
4.	Mực phô tô	hộp	10.000 tờ A4	0,500
5.	Giấy	ream	Khổ A4 định lượng 800 g/m ²	1,000
6.	Hộp đựng Hồ sơ	hộp	Đựng Khổ A4	1,000
7.	Ghim	hộp	100 chiếc	2,000
8.	Cặp kẹp biên bản	cái	Kẹp Khổ A4	0,002
9.	Bút bi	cái	Thông thường	1,000

ĐỊNH MỨC KINH TẾ- KỸ THUẬT CHO DỊCH VỤ XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT

PHẦN I THUYẾT MINH

I. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức lao động xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh) và phương pháp phân tích (phương pháp phân tích tính toán và phương pháp phân tích khảo sát).

2. Định mức sử dụng thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu được xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh).

3. Hệ số phức tạp trong hoạt động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, theo quy trình tại Thông tư 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ, tùy thuộc vào đối tượng xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã có tiêu chuẩn hoặc chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật; quy chuẩn cho một lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực và số lượng các chỉ tiêu để xác định hệ số phức tạp.

II. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần sau:

a) Định mức lao động trực tiếp là thời gian lao động cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

b) Định mức lao động gián tiếp là thời gian lao động cho công tác quản lý, phục vụ cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

Định mức lao động thể hiện các nội dung sau:

- Nội dung các bước công việc cho quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định trong Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định của pháp luật.

- Định biên người thực hiện xây dựng quy chuẩn kỹ thuật có từ 9-20 thành viên chính thực hiện và 4-6 thành viên phối hợp.

- Định mức một ngày công làm việc được tính là 8 giờ cho thời gian lao động trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật. Đơn vị tính là cá nhân chuyên gia là kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ hoặc nhóm là tập hợp các nhóm là tổ soạn thảo, hội đồng/bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

c) Định mức thiết bị

- Định mức thiết bị là thời gian người lao động sử dụng thiết bị, máy móc cần thiết để thực hiện một bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật. Đơn vị tính là bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật..

- Thời gian sử dụng thiết bị là thời gian dự kiến sử dụng thiết bị vào hoạt động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật. Đơn vị tính là giờ.

- Thời hạn tính khấu hao thiết bị áp dụng theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính.

d) Định mức vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ

- Định mức sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ được tính bằng số lượng tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ trực tiếp cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật. Đơn vị tính là mức tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ/bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

- Mức cho các vật tư tiêu hao ít, phụ được tính bằng 5% mức vật tư trong bảng định mức vật tư, nguyên vật liệu.

PHẦN II

QUI TRÌNH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Quy trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật		Kết quả
Bước 1	Đề nghị xây dựng quy chuẩn kỹ thuật	Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật
Bước 2	Xét duyệt dự án và đưa vào kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật	Kế hoạch xây dựng quy trình kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Bước 3	Biên soạn dự thảo của Ban soạn thảo	Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật của ban soạn thảo
Bước 4	Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật	Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật
Bước 5	Thẩm định quy chuẩn kỹ thuật	Hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật trình duyệt
Bước 6	Trình ban hành quy chuẩn kỹ thuật	Quy chuẩn kỹ thuật được ban hành

PHẦN III

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CHO DỊCH VỤ XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT

I. Định mức công lao động

1. Định mức công lao động

a) Định mức công lao động cho việc xây dựng dự án quy chuẩn kỹ thuật. đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, định mức công tối thiểu là 10 công cho dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Định mức công lao động xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật tối thiểu là 40 công cho dự thảo quy chuẩn kỹ thuật đã có tiêu chuẩn kỹ thuật và tối thiểu 60 công cho dự thảo quy chuẩn kỹ thuật xây dựng mới, chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật, cần phải khảo sát, thử nghiệm (chưa bao gồm công cho chi phí khảo sát, thử nghiệm theo định mức riêng). Đối với trường hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật có tính chất phức tạp cần xem xét trên cơ sở hệ số phức tạp (K_{HSPT}).

c) Định mức công lao động xây dựng thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo quy chuẩn kỹ thuật tối thiểu là 5 công cho thuyết minh quy chuẩn kỹ thuật và tổng hợp, xử lý ý kiến góp ý cho dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.

d) Định mức lao động cho công tác nghiên cứu tiền khả thi, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật không quá 50% tổng kinh phí xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

2. Định mức công lao động gián tiếp được tính bằng 40% công lao động trực tiếp.

3. Định mức tiền trực tiếp cho công việc dịch, hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; khảo sát, điều tra, mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, công tác phí, lấy ý kiến nhận xét của thành viên ban soạn thảo hoặc tổ biên soạn, của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật và các cuộc họp ban soạn thảo hoặc tổ biên soạn, hội thảo khoa học, hội đồng thẩm tra đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính.

4. Hệ số phức tạp (K_{HSPT}), của xây dựng quy chuẩn kỹ thuật theo bảng sau:

TT	Công việc	Hệ số phức tạp (K_{HSPT})
1.	Quy chuẩn kỹ thuật xây dựng mới, đa ngành, nhiều chỉ tiêu chưa có các tiêu chuẩn kỹ thuật	2,0
2.	Quy chuẩn kỹ thuật xây dựng. soát xét, bổ sung, sửa đổi, đơn ngành, ít chỉ tiêu, đã có các tiêu chuẩn kỹ thuật	1,0

II. Định mức sử dụng thiết bị

- Định mức khấu hao thiết bị phục vụ cho việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. Trường hợp đã có định mức kinh tế kỹ thuật của các Bộ, ngành cho các hạng mục này thì ưu tiên áp dụng định mức của các Bộ, ngành có chức năng.

- Hệ số định mức sử dụng thiết bị theo bảng sau:

TT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Điều hòa nhiệt độ	cái	3.000 W	0,333
2.	Máy vi tính	cái	250 W	0,250
3.	Máy chiếu	cái	365 W	0,166
4.	Máy in	cái	360 W	0,166
5.	Máy quét	cái	360 W	0,083
6.	Máy Photo copy	cái	1.200 W	0,083
7.	Âm thanh	cái	1 Âm li và 02 loa 40 W	0,166
8.	Máy hút bụi	cái	1.500 W	0,083

III. Định mức vật tư, công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Hệ số định mức sử dụng dụng cụ theo bảng sau:

TT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Đèn chiếu sáng	cái	36 W	0,333
2.	Bình đun nước	cái	200 W	0,003
3.	Đồng hồ treo tường	cái	Đồng hồ điện tử	1,000
4.	Điện thoại cố định	cái	1 điện thoại	1,000
5.	Bàn máy vi tính	cái	1,4 m x 0,9 m	1,000
6.	Tủ đựng hồ sơ, tài liệu	cái	1,2 m x 0,4 m	1,000
7.	Bàn, ghế làm việc	cái	1,2 m x 0,8 m	1,000
8.	Phần mềm bản quyền	Phần mềm	Microsoft Office	1,000

- Định mức vật tư, nguyên vật liệu theo bảng sau:

TT	Vật tư, nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Thông số	Mức
1.	Điện năng	kW	7,26 kW	1,666
2.	Nước	m ³	Nước sinh hoạt	0,153
3.	Mực in	hộp	Lazer 1500 tờ A4	1,000
4.	Mực phô tô	hộp	10.000 tờ A4	0,500
5.	Giấy	ream	Khổ A4 định lượng 800g/m ²	1,000
6.	Hộp đựng Hồ sơ	hộp	Đựng Khổ A4	1,000
7.	Ghim	hộp	100 chiếc	2,000
8.	Cặp kẹp biên bản	cái	Kẹp Khổ A4	0,002
9.	Bút bi	cái	Thông thường	1,000

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ THAM GIA XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

PHẦN I THUYẾT MINH

I. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức lao động xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh) và phương pháp phân tích (phương pháp phân tích tính toán và phương pháp phân tích khảo sát).

2. Định mức sử dụng thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu được xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh).

3. Hệ số phức tạp trong hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế (TCQT), theo quy trình hướng dẫn của tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO/IEC mà Việt Nam cam kết tham gia, tùy thuộc vào đối tượng xây dựng TCQT hoàn toàn xây dựng mới hoặc chấp nhận đề xuất từ các tổ chức tiêu chuẩn hóa khu vực hoặc của quốc gia đề xuất và tùy theo khối lượng công việc của TCQT để xác định hệ số phức tạp.

II. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần sau:

a) Định mức lao động trực tiếp là thời gian lao động cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế

b) Định mức lao động gián tiếp là thời gian lao động cho công tác quản lý, phục vụ cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế

Định mức lao động thể hiện các nội dung sau:

- Nội dung các bước công việc cho quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu quy định trong hướng dẫn của tổ chức quốc tế ISO/IEC mà Việt Nam đã cam kết tham gia và các quy định của pháp luật.

- Định biên người thực hiện xây dựng tiêu chuẩn quốc tế có từ 9-20 thành viên chính thực hiện và 4-6 thành viên phối hợp.

- Định mức một ngày công làm việc được tính là 8 giờ cho thời gian lao động trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế. Đơn vị tính là cá nhân chuyên gia là kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ hoặc Ban kỹ thuật, hội đồng/bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

c) Định mức thiết bị

- Định mức thiết bị là thời gian người lao động sử dụng thiết bị, máy móc cần thiết để thực hiện một bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế. Đơn vị tính là bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

- Thời gian sử dụng thiết bị là thời gian dự kiến sử dụng thiết bị vào hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế. Đơn vị tính là giờ.

- Thời hạn tính khấu hao thiết bị áp dụng theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính.

d) Định mức vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ

- Định mức sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ được tính bằng số lượng tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ trực tiếp cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế. Đơn vị tính là mức tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ/bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

- Mức cho các vật tư tiêu hao ít, phụ được tính bằng 5% mức vật tư trong bảng định mức vật tư, nguyên vật liệu.

PHẦN II QUI TRÌNH THAM GIA XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế (TCQT)		Kết quả
Bước 1	Xây dựng thuyết minh, thu thập nhu cầu	Hạng mục công việc sơ bộ
Bước 2	Giai đoạn đề xuất xây dựng tiêu chuẩn	Lấy ý kiến
Bước 3	Giai đoạn chuẩn bị	Đề xuất dự án
Bước 4	Xây dựng dự thảo làm việc	Xây dựng dự thảo, lấy ý kiến
Bước 5	Giai đoạn Ban kỹ thuật	Dự thảo Ban kỹ thuật
Bước 6	Giai đoạn lấy ý kiến	Dự thảo sau lấy ý kiến các nước thành viên
Bước 7	Giai đoạn phê duyệt	Dự thảo TCQT được công bố

PHẦN III

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CHO DỊCH VỤ THAM GIA XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

I. Định mức công lao động

1. Định mức công lao động

a) Định mức công lao động cho việc đề xuất tham gia dự án TCQT để được chấp nhận thực hiện, định mức công tối thiểu là 40 công cho dự án được chấp nhận.

b) Định mức công lao động tham gia xây dựng dự thảo TCQT tối thiểu là 40 công cho dự thảo TCQT xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn quốc gia đề xuất và tối thiểu 60 công cho dự thảo TCQT xây dựng mới cần phải khảo sát, thử nghiệm (chưa bao gồm chi phí khảo sát, thử nghiệm theo định mức riêng). Đối với trường hợp xây dựng TCQT có tính chất phức tạp cần xem xét trên cơ sở hệ số phức tạp (K_{HSPT}).

c) Định mức công lao động tham gia xử lý bỏ phiếu góp ý cho dự thảo TCQT tối thiểu là 5 công.

d) Định mức lao động cho công tác nghiên cứu tiền khả thi, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng TCQT không quá 50% tổng kinh phí xây dựng TCQT.

2. Định mức công lao động gián tiếp được tính bằng 20% công lao động trực tiếp.

3. Định mức trực tiếp trả bằng tiền cho công việc dịch, hiệu đính tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng Anh; khảo sát, điều tra, mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, đi công tác nước ngoài, lấy ý kiến nhận xét của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCQT áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính và Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 2/6/2012 của Bộ Tài chính.

4. Hệ số phức tạp (K_{HSPT}), của xây dựng TCQT theo bảng sau:

TT	Công việc	Hệ số phức tạp (K_{HSPT})
1.	TCQT xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn quốc gia đề xuất	5,0
2.	TCQT xây dựng mới	10,0

II. Định mức sử dụng thiết bị

- Định mức khấu hao thiết bị phục vụ cho việc tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế theo quy định trong Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. Trường hợp đã có định mức kinh tế kỹ thuật của các Bộ, ngành cho các hạng mục này thì ưu tiên áp dụng định mức của các Bộ, ngành có chức năng.

- Hệ số định mức sử dụng thiết bị theo bảng sau:

TT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Điều hòa nhiệt độ	cái	3.000 W	0,333
2.	Máy vi tính	cái	250 W	0,250
3.	Máy chiếu	cái	365 W	0,166
4.	Máy in	cái	360 W	0,166
5.	Máy quét	cái	360 W	0,083
6.	Máy Photo copy	cái	1.200 W	0,083
7.	Internet	cái	40 W	0,333
8.	Âm thanh	cái	1 Âm li và 02 loa 40 W	0,166
9.	Máy hút bụi	cái	1.500 W	0,083

III. Định mức vật tư, công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Hệ số định mức sử dụng dụng cụ theo bảng sau:

TT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Đèn chiếu sáng	cái	36 W	0,333
2.	Bình đun nước	cái	200 W	0,003

TT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
3.	Đồng hồ treo tường	cái	Đồng hồ điện tử	1,000
4.	Điện thoại cố định	cái	1 điện thoại	1,000
5.	Bàn máy vi tính	cái	1,4 m x 0,9 m	1,000
6.	Tủ đựng hồ sơ, tài liệu	cái	1,2 m x 0,4 m	1,000
7.	Bàn, ghế làm việc	cái	1,2 m x 0,8 m	1,000
8.	Phần mềm bản quyền	Phần mềm	Microsoft Office	1,000

- Định mức vật tư, nguyên vật liệu theo bảng sau:

TT	Vật tư, nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Thông số	Mức
1.	Điện năng	kW	7,31 kW	1,999
2.	Nước	m ³	Nước sinh hoạt	0,153
3.	Mực in	hộp	Lazer 1500 tờ A4	1,000
4.	Mực phô tô	hộp	10.000 tờ A4	0,500
5.	Giấy	ream	Khổ A4 định lượng 800g/m ²	1,000
6.	Hộp đựng Hồ sơ	hộp	Đựng Khổ A4	1,000
7.	Ghim	hộp	100 chiếc	2,000
8.	Cặp kẹp biên bản	cái	Kẹp Khổ A4	0,002
9.	Bút bi	cái	Thông thường	1,000

ĐỊNH MỨC KINH TẾ- KỸ THUẬT DỊCH VỤ PHỔ BIẾN, HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ, TIÊU CHUẨN KHU VỰC, TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI

PHẦN I THUYẾT MINH

I. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức lao động xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh) và phương pháp phân tích (phương pháp phân tích tính toán và phương pháp phân tích khảo sát).

2. Định mức sử dụng thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu được xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh).

II. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần sau:

a) Định mức lao động trực tiếp là thời gian lao động cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài (TCVN, QCVN, TCQT, TCKV, TCNN)

b) Định mức lao động gián tiếp là thời gian lao động cho công tác quản lý, phục vụ cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.

Định mức lao động thể hiện các nội dung sau:

- Nội dung các bước công việc theo quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài

- Định biên người thực hiện phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài có từ 5-8 thành viên chính thực hiện và 2-4 thành viên phối hợp.

- Định mức một ngày công làm việc được tính là 8 giờ cho thời gian lao động trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài. Đơn vị tính là cá nhân chuyên gia là kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo

quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.

c) Định mức thiết bị

- Định mức thiết bị là thời gian người lao động sử dụng thiết bị, máy móc cần thiết để thực hiện một bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài. Đơn vị tính là bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.

- Thời gian sử dụng thiết bị là thời gian dự kiến sử dụng thiết bị vào hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài. Đơn vị tính là giờ.

- Thời hạn tính khấu hao thiết bị áp dụng theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính.

d) Định mức vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ

- Định mức sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ được tính bằng số lượng tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ trực tiếp cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài. Đơn vị tính là mức tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ/bước công việc hoặc toàn bộ công việc.

- Mức cho các vật tư tiêu hao ít, phụ được tính bằng 5% mức vật tư trong bảng định mức vật tư, nguyên vật liệu.

PHẦN II

QUY TRÌNH PHỔ BIẾN, HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ, TIÊU CHUẨN KHU VỰC, TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI

Quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng TCVN, QCVN, TCQT, TCKV, TCNN		Kết quả
Bước 1	Đề nghị phổ biến, hướng dẫn áp dụng TCVN, QCVN, TCQT, TCKV, TCNN	Dự án phổ biến, áp dụng TCVN, QCVN, TCQT, TCKV, TCNN
Bước 2	Xét duyệt dự án và triển khai thực hiện	Kế hoạch triển khai phổ biến, áp dụng được phê duyệt

Quy trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng TCVN, QCVN, TCQT, TCKV, TCNN		Kết quả
Bước 3	Xây dựng tài liệu phổ biến, áp dụng	Tài liệu phổ biến, áp dụng
Bước 4	Lựa chọn Báo cáo viên	Xác định báo cáo viên trình bày
Bước 5	Thẩm định tài liệu phổ biến, áp dụng	Hồ sơ tài liệu phổ biến được phê duyệt
Bước 6	Tổ chức phổ biến, áp dụng	Kết quả phổ biến, áp dụng

PHẦN III

ĐỊNH MỨC KINH TẾ- KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN, HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ, TIÊU CHUẨN KHU VỰC, TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI

I. Định mức công lao động

1. Định mức công lao động

a) Định mức công lao động cho việc xây dựng dự án phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, định mức công tối thiểu là 10 công cho dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Định mức công lao động xây dựng báo cáo phổ biến tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài tối thiểu là 10 công cho báo cáo.

c) Định mức công lao động hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài tối thiểu là 20 công cho một tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.

2. Định mức công lao động gián tiếp được tính bằng 20% công lao động trực tiếp.

3. Định mức tiền công trả trực tiếp cho công việc dịch, hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt áp dụng Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính; thuê địa điểm, báo cáo viên, công tác phí, lưu trú cho đại biểu tham dự hội nghị phổ biến áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

II. Định mức sử dụng thiết bị

- Định mức khấu hao thiết bị phục vụ cho việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài theo quy định trong Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. Trường hợp đã có định mức kinh tế kỹ thuật của các Bộ, ngành cho các hạng mục này thì ưu tiên áp dụng định mức của các Bộ, ngành có chức năng.

- Hệ số định mức sử dụng thiết bị theo bảng sau:

TT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Điều hòa nhiệt độ	cái	3.000 W	0,333
2.	Máy vi tính	cái	250 W	0,250
3.	Máy chiếu	cái	365 W	0,166
4.	Máy in	cái	360 W	0,166
5.	Máy Photo copy	cái	1.200 W	0,083
6.	Âm thanh	cái	1 Âm li và 02 loa 40 W	0,166

III. Định mức vật tư, công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Hệ số định mức sử dụng dụng cụ theo bảng sau:

TT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Đèn chiếu sáng	cái	36 W	0,333
2.	Bình đun nước	cái	200 W	0,003
3.	Bút chiếu laze	cái	Thông dụng trên thị trường	0,333

- Định mức vật tư, nguyên vật liệu theo bảng sau:

TT	Vật tư, nguyên liệu	Đơn vị tính	Thông số	Mức
1.	Điện năng	kW	6,63 kW	1,583
2.	Mực in	hộp	Lazer 1500 tờ A4	0,500
3.	Mực phô tô	hộp	10.000 tờ A4	0,500
4.	Giấy	ream	Khổ A4 định lượng 800g/m ²	2,000
5.	Bút bi	cái	Thông thường	30,000

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ HOẠT ĐỘNG GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

PHẦN I THUYẾT MINH

I. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức lao động xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh) và phương pháp phân tích (phương pháp phân tích tính toán và phương pháp phân tích khảo sát).

2. Định mức sử dụng thiết bị, dụng cụ, vật liệu được xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh).

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia được xây dựng theo quy trình tại Thông tư 27/2019/TT-BKHCN ngày 26/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

II. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần sau:

a) Định mức lao động trực tiếp là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia.

b) Định mức lao động gián tiếp là thời gian lao động cho công tác quản lý, phục vụ cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia.

Định mức lao động thể hiện các nội dung sau:

- Nội dung các bước công việc cho quá trình hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu quy định trong Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN ngày 26/12/2019 của Bộ Khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật.

- Định biên người thực hiện hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia có từ 18- 24 thành viên chính thực hiện và 8-10 thành viên phối hợp.

- Định mức một ngày công làm việc được tính là 8 giờ cho thời gian lao động trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia. Đơn vị tính là cá nhân chuyên gia thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia và một ngày công làm việc được tính là 8 giờ.

c) Định mức thiết bị

- Định mức thiết bị là thời gian người lao động sử dụng thiết bị, máy móc cần thiết để thực hiện một bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia. Đơn vị tính là bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia.

- Thời gian sử dụng thiết bị là thời gian dự kiến sử dụng thiết bị vào hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kỹ thuật của thiết bị. Đơn vị tính là giờ.

- Thời hạn tính khấu hao thiết bị áp dụng theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính.

d) Định mức vật tư nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ

- Định mức sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ được tính bằng số lượng tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ trực tiếp cần thiết để thực hiện bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia (GTCLQG). Đơn vị tính là mức tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ/bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia.

- Mức cho các vật tư tiêu hao ít, phụ được tính bằng 5% mức vật tư trong bảng định mức vật tư, nguyên vật liệu.

PHẦN II

QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Các bước Hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia		Kết quả
Bước 1	Thành lập Hội đồng sơ tuyển	Quyết định thành lập Hội đồng sơ tuyển
Bước 2	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ/hồ sơ doanh nghiệp	Hồ sơ doanh nghiệp
Bước 3	Tổ chuyên gia đánh giá trên hồ sơ tham dự của DN	Hồ sơ đánh giá
Bước 4	Đoàn đánh giá HĐST Đánh giá tại chỗ/doanh nghiệp	Biên Bản đánh giá các hồ sơ đánh giá
Bước 5	Họp hội đồng sơ tuyển GTCLQG	Biên bản Họp hội đồng sơ tuyển GTCLQG

Các bước Hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia		Kết quả
Bước 6	Thành lập Hội đồng quốc gia	Quyết định thành lập Hội đồng quốc gia
Bước 7	Tiếp nhận và thẩm định thẩm định hồ sơ và tài liệu liên quan của các tổ chức, doanh nghiệp được Hội đồng sơ tuyển đề xuất trao Giải	Các hồ của hội đồng sơ tuyển đề xuất
Bước 8	Họp Hội đồng Quốc gia lần 1 xem xét danh sách các doanh nghiệp được đề xuất tặng GTCLQG	Biên bản họp Hội đồng quốc gia
Bước 9	Đánh giá, thẩm định tại doanh nghiệp theo yêu cầu của Hội đồng Quốc gia	Biên bản thẩm định các hồ sơ đánh giá
Bước 10	Họp hội đồng quốc gia GTCLQG lần 2 đề xuất danh sách trình Thủ tướng ký Quyết định tặng GTCLQG	Biên bản họp Hội đồng quốc gia
Bước 11	Lấy ý kiến hiệp y các địa phương về các doanh nghiệp được đề xuất trao GTCLQG	Công văn hiệp y
Bước 12	Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng GTCLQG	Các hồ sơ trình Bộ KH&CN

PHẦN III

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CHO HOẠT ĐỘNG GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

I. Định mức công lao động

a) Định mức công lao động cho công tác đánh giá và xây dựng các hồ sơ đánh giá tài liệu, hồ sơ của doanh nghiệp tham dự giải tại các hội đồng sơ tuyển tối thiểu là 5 công cho một hồ sơ tham dự.

b) Định mức công lao động cho công tác thẩm định, thẩm xét hồ sơ của Hội đồng sơ tuyển, nghiên cứu, xem xét hồ sơ tham dự của doanh nghiệp, xây dựng các báo cáo tại Hội đồng quốc gia tối thiểu là 5 công cho một hồ sơ tham dự.

c) Định mức công chuyên gia đánh giá tại doanh nghiệp của Hội đồng sơ tuyển và thẩm định tại doanh nghiệp của Hội đồng quốc gia đối với các doanh nghiệp tham dự GTCLQG được tính tối thiểu 6 công cho một doanh nghiệp được đánh giá, thẩm định.

d) Định mức công lao động xây dựng Báo cáo tổng hợp về sự đầy đủ của hồ sơ tham dự, kết quả đánh giá, danh sách và thuyết minh về các doanh nghiệp tham dự GTCLQG để báo cáo Hội đồng sơ tuyển xem xét tối thiểu là 3 ngày công/lần báo cáo; định mức công lao động xây dựng Báo cáo tổng hợp về sự đầy đủ của hồ sơ tham dự, kết quả đánh giá, danh sách và thuyết minh về các doanh nghiệp tham dự GTCLQG để báo cáo Hội đồng Quốc gia xem xét tối thiểu là 10 ngày công/lần báo cáo. Đối với trường hợp xây dựng báo cáo có tính chất phức tạp cần xem xét trên cơ sở hệ số phức tạp (K_{HSPT}).

2. Định mức công lao động gián tiếp được tính bằng 40% công lao động trực tiếp.

3. Định mức tiền công trả trực tiếp cho công việc dịch, hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; công tác phí, hợp tổ chuyên gia, hội đồng sơ tuyển, hội đồng quốc gia áp dụng định mức chi theo Thông tư 55/2015/TTLT- BTC- BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Hệ số phức tạp (K_{HSPT}), của Hoạt động GTCLQG theo bảng sau.

TT	Công việc	Hệ số phức tạp (K_{HSPT})
1.	Các báo cáo đánh giá, thẩm định hồ sơ tham dự Doanh nghiệp vừa và nhỏ	1,0
2.	Các báo cáo đánh giá, thẩm định hồ sơ tham dự Doanh nghiệp lớn	2,0
3.	Báo cáo tổng hợp về sự đầy đủ của hồ sơ tham dự, kết quả đánh giá, danh sách và thuyết minh về các doanh nghiệp tham dự GTCLQG	1,0 – 2,0

II. Định mức sử dụng thiết bị

- Định mức khấu hao thiết bị phục vụ cho hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia theo quy định trong Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. Trường hợp đã có định mức kinh tế kỹ thuật của các Bộ, ngành cho các hạng mục này thì ưu tiên áp dụng định mức của các Bộ, ngành có chức năng.

- Hệ số định mức sử dụng thiết bị theo bảng sau:

TT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Điều hòa nhiệt độ	cái	3.000 W	0,333
2.	Máy vi tính	cái	250 W	0,250
3.	Máy chiếu	cái	365 W	0,166
4.	Máy in	cái	360 W	0,166
5.	Máy quét	cái	360 W	0,083
6.	Máy Photo copy	cái	1.200 W	0,083
7.	Âm thanh	cái	1 Âm li và 02 loa 40 W	0,166

III. Định mức vật tư, công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Hệ số định mức sử dụng dụng cụ theo bảng sau:

TT	Dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số	Định mức sử dụng thiết bị, giờ
1.	Đèn chiếu sáng	cái	36 W	0,333
2.	Bình đun nước	cái	200 W	0,003
3.	Đồng hồ treo tường	cái	Đồng hồ điện tử	1,000
4.	Bàn máy vi tính	cái	1,4 m x 0,9 m	1,000
5.	Điện thoại cố định	cái	1 điện thoại	1,000
6.	Tủ đựng hồ sơ, tài liệu	cái	1,2 m x 0,4 m	2,000
7.	Bàn, ghế làm việc	cái	1,2 m x 0,8 m	4,000
8.	Phần mềm bản quyền	Phần mềm	Microsoft Office	1,000

- Định mức vật tư, nguyên vật liệu theo bảng sau:

TT	Vật tư, nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Thông số	Mức
1.	Điện năng	kW	6,69 kW	1,666
2.	Nước	m ³	Nước sinh hoạt	0,153
3.	Mực in	hộp	Lazer 1500 tờ A4	0,500
4.	Mực phô tô	hộp	10.000 tờ A4	0,500
5.	Cúp GTCLQG	cái	Cúp vàng 18 K hoặc Cúp bạc	1,000
6.	Khung giấy chứng nhận	cái	Khung Ảnh A 3	1,000
7.	Ổ ghi USB	cái	Dung lượng 32 GB	1,000
8.	Giấy	ream	Khổ A4 định lượng 800g/m ²	1,000
9.	Ghim	hộp	100 chiếc	0,050
10.	Cặp kẹp biên bản	cái	Kẹp Khổ A4	1,000
11.	Bút bi	cái	Thông thường	4,000